

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – TÂY NINH

Bản án số: 256/2026/DS-ST

Ngày: 28-7-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Quốc Thắng;
- Ông Trương Hoàng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2026/TLST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Châu Thị U, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Thái S, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 28/11/2025) – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn:

- Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1989 – vắng mặt.
 - Chị Huỳnh Thị Thu E, sinh năm 1990 – có đơn đề nghị vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05/12/2025, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Thái S trình bày:

Bà Châu Thị U và chị Huỳnh Thị Thu E, anh Nguyễn Trọng N có mối quan hệ quen biết nhau.

Năm 2024, chị E có nhờ bà U tham gia hội dùm, lãnh hội nhưng sau đó không có tiền đóng hội nên chót còn nợ tiền hội 100.000.000 đồng, chị E và anh N vay thêm của bà U 30.000.000 đồng, tổng cộng chị E và anh N còn nợ bà U số tiền 130.000.000 đồng.

Ngày 25/11/2024, hai bên có gặp nhau để ghi giấy nhận nợ số tiền này, bà U không có tính lãi, hai bên không có thể chấp tài sản gì, hẹn trong vòng 01 năm chị E và anh N sẽ trả cho bà U. Đến hạn chị E và anh N không trả lại số tiền trên nên bà U đi khởi kiện.

Nay bà U yêu cầu chị E và anh N cùng trả số tiền hội và tiền vay 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị Thu E trình bày:

Chị và bà U có mối quan hệ quen biết, anh Nghĩa là chồng của chị.

Trước đây, chị và anh Nguyễn Trọng N có nhờ bà U tham gia hội dùm chị và còn nợ lại 100.000.000 đồng tiền hội, sau đó có vay thêm của bà U 30.000.000 đồng. Đến ngày 25/11/2024, chị và bà U chót lại vợ chồng chị còn nợ bà U 130.000.000 đồng, hẹn trong vòng một năm sẽ trả.

Do làm ăn khó khăn nên chị không thể trả cho bà U đúng hạn được.

Nay chị đồng ý cùng chồng là anh Nguyễn Trọng N trả cho bà U số tiền vay và tiền hội 130.000.000 đồng còn thiếu.

- Bị đơn anh Nguyễn Trọng N đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Điều 463, 466, 471 BLDS; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị U đối với anh Nguyễn Trọng N và chị Huỳnh Thị Thu E về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi.

Buộc anh N và chị E có trách nhiệm trả cho bà U tiền hụi 100.000.000 đồng và tiền vay 30.000.000 đồng, tổng cộng 130.000.000 đồng, ghi nhận bà U không yêu cầu tính lãi.

+ Về án phí: Anh N và chị E phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Thái S và bị đơn chị Huỳnh Thị Thu Ê có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào Giấy nhận nợ ngày 25/11/2024, anh Nguyễn Trọng N và chị Huỳnh Thị Thu Ê mượn bà Châu Thị U số tiền 130.000.000 đồng bao gồm 100.000.000 đồng tiền hụi mãi mãi và 30.000.000 đồng tiền mượn, lãi suất 0%, trong vòng 1 năm, phía dưới chị Ê và anh N ký tên và ghi rõ họ tên, hai bên không có thế chấp tài sản gì. Như vậy, việc chị Ê và anh N còn nợ tiền hụi và tiền vay của bà U là có thật.

Chị Ê cũng thừa nhận còn nợ bà U số tiền trên. Đối với anh N có biết và ký khoản nợ này nhưng anh N cho rằng đây là khoản nợ riêng của chị Ê nên không đồng ý đến Tòa án.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng N đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án do đó phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U đối với anh N và chị Ê tiền hui 100.000.000 đồng và tiền vay 30.000.000 đồng, tổng cộng 130.000.000 đồng, ghi nhận bà U không yêu cầu tính lãi.

[2.2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị U đối với anh Nguyễn Trọng N và chị Huỳnh Thị Thu Ê, buộc anh N và chị Ê trả cho bà U tiền hui 100.000.000 đồng và tiền vay 30.000.000 đồng, tổng cộng 130.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Anh Nguyễn Trọng N và chị Huỳnh Thị Thu E phải chịu 6.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị U đối với anh Nguyễn Trọng N và chị Huỳnh Thị Thu E về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui.

Buộc anh Nguyễn Trọng N và chị Huỳnh Thị Thu E có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị U số tiền hui 100.000.000 đồng và tiền vay 30.000.000 đồng, tổng cộng 130.000.000 (Một trăm ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Trọng N và chị Huỳnh Thị Thu E phải chịu 6.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Châu Thị U số tiền tạm ứng án phí 3.250.000 đồng theo biên lai thu số 0000837 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Ngọc Lan

